

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình triển khai Dự án “Quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và hóa chất nguy hại tại Việt Nam” Giai đoạn 2016-2018

I. Thông tin cơ bản về dự án

- 1.1. Tên dự án (tiếng Việt): Dự án quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và hóa chất nguy hại tại Việt Nam
- 1.2. Tên dự án (tiếng Anh): Vietnam POPs and Sound Harmful Chemicals Management Project
- 1.3. Mã dự án: 91381
- 1.4. Tên nhà tài trợ: Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)
- 1.5. Thời gian bắt đầu và kết thúc dự án: 2015 - 2018

II. Mục tiêu của dự án

2.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của dự án là tiếp tục giảm thiểu các rủi ro môi trường và sức khỏe con người thông qua việc giảm phát thải các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và hóa chất nguy hại.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- a) Xây dựng, bổ sung khung pháp lý và thể chế tích hợp để triển khai hiệu quả hơn các quy định của Công ước Stockholm về các chất POP;
- b) Xây dựng và trình diễn thí điểm Hệ thống đăng ký chuyển giao và phát thải chất ô nhiễm (PRTR) và áp dụng cho ít nhất 20% nguồn thải công nghiệp tại một tỉnh được lựa chọn để quản lý an toàn về môi trường và báo cáo các chất POP và thủy ngân;
- c) Phát triển khung quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất, hướng tới tăng cường năng lực quản lý các khu vực bị ô nhiễm POP và kế thừa được các kết quả, kinh nghiệm từ các dự án trong chu kỳ GEF4 và chương trình, dự án quốc gia.

III. Tóm tắt các kết quả dự kiến chủ yếu của dự án

Để đạt được các mục tiêu trên, dự án được chia thành 4 hợp phần với các kết quả dự kiến chủ yếu sau:

3.1 Hợp phần 1: Xây dựng và thực thi khung chính sách quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất, bao gồm các chất POP và PTS

Kết quả 1.1: Xây dựng và thực hiện khung chính sách tổng thể và các quy định pháp lý cụ thể, bao gồm các quy định quản lý an toàn về môi trường đối với các chất POP, PTS thông qua quản lý vòng đời của chúng.

Kết quả 1.2: Tăng cường kiến thức và năng lực của các cơ quan quản lý để xây dựng và thực hiện các chính sách.

3.2 Hợp phần 2: Quan trắc và báo cáo các chất POP và PTS

Kết quả 2.1: Các cơ quan cấp quốc gia thực hiện hoạt động quan trắc tổng thể và hài hòa các chất POP, PTS trong môi trường, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quan trắc quốc gia và sử dụng các dữ liệu này để chuẩn bị các báo cáo trình Chính phủ Việt Nam, Quốc hội và Ban thư ký Công ước Stockholm.

Kết quả 2.2: Công nhận, cấp chứng chỉ cho mạng lưới phòng thí nghiệm trong nước để hỗ trợ thực hiện quan trắc các chất POP, PTS trong môi trường và hỗ trợ báo cáo về phát thải hóa chất nguy hại.

3.3 Hợp phần 3: Quản lý các khu vực bị ô nhiễm các chất POP

Kết quả 3.1: Các chính sách, quy định và hướng dẫn kỹ thuật quan trọng được xây dựng và ban hành để quản lý các khu vực bị ô nhiễm các chất POP.

Kết quả 3.2: Hỗ trợ xây dựng nội dung quản lý an toàn về môi trường đối với POP, PTS trong quy hoạch quản lý môi trường cấp tỉnh.

3.4 Hợp phần 4: Kiểm kê dữ liệu cơ sở quốc gia về thủy ngân và giảm phát thải thủy ngân

Kết quả 4.1: Kiểm kê dữ liệu cơ sở về thủy ngân và phát thải thủy ngân.

Kết quả 4.2: Tăng cường năng lực và nhận thức của cán bộ quản lý và cộng đồng về nguồn phát thải thủy ngân.

IV. Tổng vốn của chương trình, dự án

TT	Nguồn vốn	USD	Tương đương VNĐ
1	Vốn ODA từ GEF/UNDP	2.550.000	55.819.500.000
2	Vốn đồng tài trợ của dự án JICA (bằng hiện vật)	3.000.000	63.738.000.000
3	Vốn đối ứng từ Chính phủ Việt Nam	8.050.000	172.736.900.000
	Tổng cộng	13.600.000	292.294.400.000

V. Đánh giá tình hình thực hiện dự án

6.1 Đánh giá tình hình triển khai dự án theo năm

Theo văn kiện dự án đã được phê duyệt, dự án được tiến hành từ 2015 – 2018, trên thực tế đến tháng 11 năm 2016 dự án mới bắt đầu được phê duyệt kế hoạch năm đầu tiên, và từ đó dự án mới bắt đầu triển khai các hoạt động. Theo đó tình hình triển khai dự án theo từng năm như sau:

a. Đánh giá tình hình triển khai dự án năm 2016

So với kế hoạch đã được phê duyệt giữa tháng 11 năm 2016, đến hết năm 2016 (trong vòng 1,5 tháng) dự án đã hoàn thành 90% kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- *Khởi động dự án:* Hoạt động này kéo dài từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2016, đây là giai đoạn để các bên liên quan làm rõ về nội dung dự án, bổ sung các dữ liệu cơ sở, thảo luận cụ thể về cấu trúc quản lý dự án, cơ chế phối hợp/điều phối, thiết kế/xây dựng và phân bổ các gói công việc cho các bên liên quan, xây dựng kế hoạch M&E, kế hoạch truyền thông, chiến lược quản lý rủi ro và lập kế hoạch năm thứ nhất của dự án. Một báo cáo khởi động dự án đã được hoàn thành, trong đó đề cập các thông tin cần bổ sung chỉnh sửa trong Văn kiện dự án.

- *Hội thảo xây dựng và thực thi chính sách trong quản lý môi trường đối với hóa chất tại Việt Nam:* Hội thảo được tổ chức vào ngày 15/12/2016 tại Hà Nội, với sự tham gia của 61 đại biểu (40 nam, 21 nữ) từ các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, các nhà khoa học/nghiên cứu liên quan và đại diện nhà tài trợ. Hội thảo đã đạt được mục tiêu đề ra. Báo cáo hội thảo đã hoàn thành, trong đó có đề cập tới các đề xuất liên quan tới việc xây dựng/bổ sung/điều chỉnh các văn bản pháp luật liên quan tới quản lý môi trường đối với các hóa chất nguy hại tại Việt Nam.

- *Đánh giá năng lực quan trắc POP, PTS tại Việt Nam:* TOR tuyển 03 chuyên gia đã được xây dựng và đăng trên website của UNDP.

- *Xác định các nguồn có khả năng phát thải thủy ngân trong các quá trình công nghiệp chính:* Theo Điều 8 của Công ước Minatama về Thủy ngân và dựa trên Báo cáo kiểm kê thủy ngân quốc gia (năm 2016), 04 ngành công nghiệp (nhiệt điện đốt than, xi măng, đốt rác thải và luyện kim màu) được xác định là 04 ngành công nghiệp chính có khả năng phát thải thủy ngân. Xây dựng 02 báo cáo: (1) *Kinh nghiệm của EU trong quản lý phát thải thủy ngân*, cung cấp thông tin tổng quan về các chính sách và phương án quản lý phát thải thủy ngân từ các ngành công nghiệp; và (2) *Các nguồn có khả năng phát thải thủy ngân trong các quá trình công nghiệp chính*, cung cấp thông tin kỹ thuật cơ bản về các công nghệ chính mà 04 ngành công nghiệp nêu trên đã và đang sử dụng, các khâu có thể phát thải thủy ngân trong quá trình sản xuất của 04 ngành công nghiệp và chiến lược dự kiến để quản lý việc phát thải thủy ngân từ 04 ngành công nghiệp.

- *Xây dựng 04 bảng hỏi điều tra nguồn phát thải thủy ngân* cho 04 ngành công nghiệp được xác định trong hoạt động trên.

b. Đánh giá tình hình triển khai dự án năm 2017

Năm 2017, nửa đầu năm, dự án tập trung xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch đấu thầu và làm các thủ tục xin phê duyệt các cấp (Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UNDP), trong nửa đầu năm 2017 dự án cũng đồng thời dự thảo các điều khoản tham chiếu (TOR) cho các gói thầu và lấy ý kiến các bên liên quan. Nửa cuối năm, sau khi đã kế hoạch thực hiện dự án năm 2018 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, dự án triển khai các hoạt động đấu thầu và đến tháng 10 mới bắt

đầu ký được hợp đồng với nhà thầu đầu tiên, **vì vậy năm 2017 mới hoàn thành khoảng 50% kế hoạch đề ra.** Cụ thể:

- Tổ chức họp Ban chỉ đạo dự án ngày 22/02/2017.

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2017 được UNDP và Giám đốc dự án phê duyệt ngày 29/03/2017.

- Xây dựng 2 Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các hoạt động liên quan tới Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được phê duyệt ngày 13/06/2017; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các hoạt động liên quan tới Bộ Công Thương được phê duyệt ngày 25/05/2017.

- Trong tổng số 22 gói thầu được đề cập trong 02 Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, 16 TOR/hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời quan tâm cho 16 gói thầu đã được xây dựng và việc tuyển dụng nhà thầu đã được tiến hành tuân thủ đúng quy định của Luật Đấu thầu và quy định của UNDP, 13 trong số 16 gói thầu đã chọn được nhà thầu, hoàn thành thủ tục ký hợp đồng và triển khai thực hiện; 3 gói thầu đang trong quá trình tuyển chọn nhà thầu. Ngoài ra, BQLDA còn phối hợp với UNDP tuyển chọn và ký hợp đồng với 4 nhóm chuyên gia trong nước và 4 chuyên gia quốc tế hỗ trợ kỹ thuật cho dự án.

- Bên cạnh việc tuyển dụng các chuyên gia/nhà thầu cho các gói thầu, dự án còn tổ chức 7 đợt khảo sát và 5 hội thảo, cụ thể:

+ 3 đợt khảo sát về các phòng thí nghiệm tại Bình Dương, Hải Dương và Nghệ An;

+ 2 đợt khảo sát khu vực ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

+ 1 đợt khảo sát chuẩn bị cho hoạt động PRTR tại Bình Dương;

+ 1 đợt khảo sát về hiện trạng quản lý hóa chất nguy hại của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ 2 hội thảo truyền thông về Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước Stockholm về các chất POP cho các ban, ngành cấp tỉnh được tổ chức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

+ 2 hội thảo tuyên truyền pháp luật bảo vệ môi trường và quản lý các chất POP cho doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+ 1 hội thảo hướng dẫn triển khai Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và xây dựng Kế hoạch quản lý bền vững các khu vực ô nhiễm do hóa chất bảo vệ môi trường tồn lưu;

- Cử 5 cán bộ của dự án tham gia các lớp học đấu thầu.

c. Đánh giá tình hình thực hiện dự án năm 2018

Nửa đầu năm 2018, bên cạnh việc tiếp tục triển khai các gói thầu đã ký kết từ năm 2017, dự án đồng thời tập trung hoàn thiện kế hoạch năm, kế hoạch đấu thầu bổ sung và làm các thủ tục xin phê duyệt các cấp (Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UNDP). Đến nay, các gói thầu ký từ năm 2017 đã hoàn thành và nghiệm thu. Với các gói thầu chuyển từ năm 2017 sang 2018 và các gói thầu mới năm

2018 đã và đang làm các thủ tục đấu thầu. ***Cho tới thời điểm hiện tại, dự án đã hoàn thành khoảng 75% kế hoạch đề ra năm 2018.*** Cụ thể:

- Tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo dự án vào ngày 17/01/2018
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018 (theo mẫu trong HPPMG và theo mẫu trong Nghị định 16/2016/NĐ-CP) và được phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2018
- Xây dựng kế hoạch đấu thầu bổ sung và được phê duyệt ngày 29 tháng 5 năm 2018
- Hoàn thiện và thanh lý hợp đồng 12 gói thầu số 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 13, 14 và 15
- Tiếp tục triển khai gói thầu đã nhờ UNDP ký kết hợp đồng: gói thầu số 6
- Bắt đầu triển khai 8 gói thầu vừa ký hợp đồng đầu tháng 11, 12 vừa qua, bao gồm: gói thầu số 7, 12, 16, 20, 21, 22, 24 và 25
- 3 gói thầu đang trong giai đoạn thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời thầu (gói 18, 19 và 23).
- 1 gói thầu đang trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ mời quan tâm (gói 17).
- Bên cạnh việc triển khai các gói thầu, dự án cũng phối hợp với UNDP xây dựng 5 TOR và tuyển dụng các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật và giám sát chất lượng các gói thầu, hiện dự án đã tuyển được 1 chuyên gia quốc tế hỗ trợ mảng PRTR và Hg + GHS và đánh giá rủi ro; 1 chuyên gia quốc tế hỗ trợ mảng chính sách quản lý POP/PTS dựa trên cơ chế thị trường; 1 chuyên gia hỗ trợ các phòng thí nghiệm; 1 chuyên gia quốc tế và 1 chuyên gia trong nước hỗ trợ kỹ thuật chung.
- Tổ chức các đợt thực địa: i) tới Bình Dương cùng chuyên gia kỹ thuật quốc tế để khảo sát và thảo luận hướng phối kết hợp trong triển khai gói thầu số 7 và 20; ii) tới Bình Dương với nhà thầu gói 7 và 20 để lập kế hoạch triển khai gói thầu; và iii) tới Quảng Bình và Nghệ An hỗ trợ đoàn đánh giá giữa kỳ của dự án.
- Tổ chức 1 cuộc họp với cộng đồng tại Quảng Bình để chuẩn bị cho hoạt động cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm hóa chất POP.
- Tổ chức 3 khóa đào tạo cơ bản và 3 khóa đào tạo nâng cao cho các phòng thí nghiệm trực thuộc Bộ TNMT và các Sở TNMT (thuộc gói thầu số 6);
- Tổ chức hội thảo tham vấn “Nghị định sửa đổi các nghị định thực hiện Luật BVMT” (kết quả gói thầu số 1).
- Tổ chức hội thảo tham vấn “Hướng dẫn kỹ thuật lập phương án bảo vệ môi trường” (kết quả gói thầu số 3)
- Tổ chức hội thảo tham vấn “Quy định về PRTR và hướng dẫn kỹ thuật PRTR cho ngành nhiệt điện và xi măng” (kết quả gói thầu số 4).
- Tổ chức 01 tập huấn nâng cao nhận thức về các sáng kiến chính sách khuyến khích giảm phát thải và tiêu hủy các chất POP/PTS dựa trên cơ chế thị trường và 01 hội thảo tham vấn “Sáng kiến chính sách khuyến khích giảm phát thải và tiêu hủy các chất POP/PTS dựa trên cơ chế thị trường” (kết quả gói thầu số 5).
- Tổ chức hội thảo tham vấn “Kết quả sơ bộ kiểm kê thủy ngân trong sản phẩm và trong các nguồn thải” (kết quả gói thầu số 8).

- Tham gia chuyên công tác chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm và học hỏi cách quản lý hóa chất với các cơ quan liên quan tại Mỹ

d. Kết quả chính từ đầu dự án đến 30/12/2018

- Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Hoá chất và các văn bản dưới luật liên quan đã được rà soát, các vấn đề chồng chéo, mâu thuẫn và khoảng trống trong các văn bản liên quan tới quản lý các chất POP, PTS đã được xem xét, phân tích. Kế hoạch cải thiện chính sách nhằm quản lý an toàn về môi trường đối với các chất POP, PTS đã được xây dựng;

- Hai Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải và khí thải công nghiệp sản xuất thép đã được sửa đổi, bổ sung;

- Dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật lập phương án bảo vệ môi trường liên quan đến hóa chất, bao gồm các chất POP/PTS đã được soạn thảo;

- Dự thảo Quy định về PRTR đã được chỉnh sửa và đã được đưa vào như một chương trong Thông tư Quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y;

- Hai Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật về PRTR cho ngành mạ crom và ngành nhiệt điện đã được soạn thảo;

- Hoàn thành Báo cáo rà soát và tổng hợp thông tin về các nguồn thải chính, trong đó làm rõ các nguồn thải có các chất POP, PTS;

- Hoàn thành báo cáo tổng hợp kinh nghiệm quốc tế quản lý an toàn môi trường đối với hóa chất nguy hại;

- Hoàn thành báo cáo rà soát, phân tích, đánh giá chính sách về tài chính và môi trường liên quan đến quản lý ô nhiễm hóa chất dựa trên cơ chế thị trường;

- Bộ số liệu cơ bản về hiện trạng quan trắc các chất POP và Hg tại Việt Nam và hiện trạng các trung tâm quan trắc các chất POP và Hg trên cả nước đã được thu thập, tổng hợp;

- Kế hoạch cấp tỉnh về quản lý các khu vực ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật lồng ghép với quy hoạch sử dụng đất tại tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt;

- Báo cáo điều tra, đánh giá chi tiết và kế hoạch quản lý các điểm ô nhiễm tại Lâm Hóa, Quảng Bình đã được hoàn thiện;

- Hoàn thành việc kiểm kê lượng tồn dư hóa chất BVTV nguyên chất và đất nhiễm có nồng độ trên 50ppm tại điểm ô nhiễm Lâm Hóa, Quảng Bình;

- Đã thu gom, đóng gói và xử lý thành công hơn 50 tấn chất thải POP và đất nhiễm hoá chất BVTV tại Lâm Hóa, Quảng Bình;

- 160 cán bộ từ các Sở ban ngành thuộc 30 tỉnh đã được truyền thông về Kế hoạch Quốc gia thực hiện Công ước Stockholm về các chất POP;

- Đại diện của 250 doanh nghiệp đã được tuyên truyền về các quy định quản lý hoá chất và quản lý môi trường đối với hóa chất;

- 5 cán bộ dự án đã có kiến thức về đấu thầu và quy trình đấu thầu.

- 149 cán bộ quản lý và kỹ thuật của 43 trung tâm quan trắc/phòng thí nghiệm thuộc 34 tỉnh, thành phố đã có kiến thức cơ bản về phân tích và quan trắc các chất POP và PTS.

- 23 cán bộ quản lý và kỹ thuật của 15 trung tâm quan trắc/phòng thí nghiệm thuộc 15 tỉnh thành phố đã có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích và quan trắc PAH trong bùn thải bằng thiết bị sắc ký khí ghép nối khối phổ.

- 19 cán bộ quản lý và kỹ thuật của 11 trung tâm quan trắc/phòng thí nghiệm thuộc 11 tỉnh thành phố đã có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích và quan trắc thủy ngân trong khí thải ống khói.

- 18 cán bộ quản lý và kỹ thuật của 11 trung tâm quan trắc/phòng thí nghiệm thuộc 11 tỉnh thành phố đã có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích và quan trắc PBDE trong nhựa và nước thải.

- 02 cán bộ thuộc Tổng cục môi trường đã tham gia chuyến công tác 10 ngày tại Mỹ để trao đổi và học hỏi cách quản lý môi trường đối với hóa chất.

6.2 Đánh giá tình hình triển khai dự án theo từng hợp phần

Tên Hợp phần/Kết quả/Hoạt động	Tỷ lệ triển khai hoạt động
Hợp phần 1: Xây dựng và thực thi khung chính sách quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất, bao gồm các chất POP và PTS	<i>Đã hoàn thành 85%</i>
<i>Kết quả 1.1: Xây dựng và thực hiện khung chính sách tổng thể và các quy định pháp lý cụ thể, bao gồm các quy định quản lý an toàn về môi trường đối với các chất POP, PTS thông qua quản lý vòng đời của chúng.</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.1.1. Thực hiện rà soát và phân tích chi tiết những chồng chéo, khoảng trống giữa Luật BVMT, Luật Hóa chất và các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất nguy hại, tập trung vào các chất POP, PTS và thủy ngân. Xây dựng kế hoạch tăng cường, bổ sung khung pháp lý để quản lý an toàn về môi trường đối với các chất POP, PTS trong hệ thống quy định quốc gia.</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.1.2. Xây dựng quy định pháp lý (thông tư hoặc thông tư liên tịch) phù hợp với các quy định sửa đổi của Công ước Stockholm về các chất POP “mới” (bao gồm các quy định cấm nếu chưa có).</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.1.3. Ban hành văn bản quy định hoặc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất nguy hại, thể hiện mối liên hệ giữa các quy định có liên quan của các Bộ, ngành khác nhằm mục đích làm hài hòa, đơn giản</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>

hóa và tăng cường hiệu quả.	
<i>Hoạt động 1.1.4.</i> Các tài liệu hướng dẫn lồng ghép việc kiểm soát ô nhiễm do phát thải các chất POP, PTS vào khung quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất tổng thể	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.1.5.</i> Xây dựng và thực hiện khung pháp lý về công cụ theo dõi POP, PTS và hệ thống PRTR thông qua việc hỗ trợ soạn thảo quy định PRTR, thành lập nhóm phối hợp liên Bộ về quy định PRTR, lồng ghép các yêu cầu đối với các chất POP, PTS trong việc thiết kế cơ sở dữ liệu, soạn thảo các tài liệu hướng dẫn nhằm tuân thủ và thực thi quy định PRTR	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Kết quả 1.2: Tăng cường kiến thức và năng lực của các cơ quan quản lý để xây dựng và thực hiện các chính sách.</i>	<i>Đã hoàn thành 70%</i>
<i>Hoạt động 1.2.1.</i> Việt Nam tham gia các Hội nghị quốc tế về quản lý hóa chất (ICCM).	<i>Đã hoàn thành 50%</i>
<i>Hoạt động 1.2.2.</i> Tiến hành khảo sát đánh giá sơ bộ về tình hình thực thi GHS tại Việt Nam; tổ chức đào tạo, tập huấn cho 30 cán bộ chuyên môn của các bộ ngành liên quan về phân loại và ghi nhãn hóa chất theo GHS và thích ứng với phương pháp tiếp cận REACH/RoSH của châu Âu áp dụng vào Việt Nam.	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.2.3.</i> Xây dựng quy trình chung và tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các Bộ, ngành liên quan về đánh giá rủi ro của hóa chất nguy hại, bao gồm cả đánh giá rủi ro sức khỏe và môi trường. Thí điểm xây dựng quy trình đánh giá rủi ro đối với thủy ngân trong một ngành ưu tiên.	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 1.2.4.</i> Xây dựng chính sách khuyến khích dựa trên cơ chế thị trường để thúc đẩy việc giảm phát thải và tiêu hủy các chất POP theo cơ chế hợp tác công tư.	<i>Đã hoàn thành 40%</i>
Hợp phần 2: Quan trắc và báo cáo các chất POP và PTS	<i>Đã hoàn thành 40%</i>
<i>Kết quả 2.1: Các cơ quan cấp quốc gia thực hiện hoạt động quan trắc tổng thể và hài hòa các chất POP, PTS trong môi trường, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quan trắc quốc gia và sử dụng các dữ liệu này để chuẩn bị các báo cáo trình Chính phủ Việt Nam, Quốc hội và Ban thư ký Công ước Stockholm.</i>	<i>Đã hoàn thành 80%</i>
<i>Hoạt động 2.1.1.</i> Thiết lập dữ liệu nền về các chất POP, PTS trong môi trường xung quanh (không khí, nước và đất) và nguồn tiếp nhận (con người, sinh vật và thực phẩm) làm cơ sở cho việc thực hiện quan trắc và chuẩn bị báo cáo trong tương lai.	<i>Đã hoàn thành 100%</i>

<i>Hoạt động 2.1.2.</i> Thực hiện kiểm kê để nâng cao năng lực quan trắc nguồn tiếp nhận và môi trường xung quanh, bao gồm cả phân tích các lỗ hổng để xác định vấn đề.	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 2.1.3.</i> Đóng góp cho báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia về hóa chất/hóa chất nguy hại và POP/PTS	<i>Đã hoàn thành 40%</i>
<i>Kết quả 2.2: Công nhận, cấp chứng chỉ cho mạng lưới phòng thí nghiệm trong nước để hỗ trợ thực hiện quan trắc các chất POP, PTS trong môi trường và hỗ trợ báo cáo về phát thải hóa chất nguy hại.</i>	<i>Đã hoàn thành 30%</i>
<i>Hoạt động 2.2.1.</i> Công nhận, cấp chứng chỉ cho 2 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ thực hiện quan trắc các chất POP, PTS.	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 2.1.2 và 2.2.2</i>
<i>Hoạt động 2.2.2.</i> Tổ chức tập huấn cho 40 cán bộ cấp quốc gia và cấp tỉnh có liên quan về quan trắc và báo cáo các chất POP, PTS theo các tiêu chuẩn và yêu cầu quốc tế.	<i>Đã hoàn thành 90%</i>
<i>Hoạt động 2.2.3.</i> Xây dựng được cơ sở dữ liệu POP, PTS ở cấp tỉnh (đối với một số tỉnh lựa chọn), vận hành hệ thống báo cáo PRTR, kết nối với công cụ, dữ liệu theo dõi các chất POP và báo cáo thông tin cho Ban thư ký Công ước.	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 1.1.5</i>
Hợp phần 3: Quản lý các khu vực bị ô nhiễm các chất POP	<i>Đã hoàn thành 40%</i>
<i>Kết quả 3.1: Các chính sách, quy định và hướng dẫn kỹ thuật quan trọng được xây dựng và ban hành để quản lý các khu vực bị ô nhiễm các chất POP.</i>	<i>Đã hoàn thành 50%</i>
<i>Hoạt động 3.1.1.</i> Soạn thảo các quy định và tiêu chuẩn hỗ trợ quản lý các khu vực bị ô nhiễm hóa chất. Trên cơ sở kế thừa và phát triển kinh nghiệm đã có, xây dựng và bổ sung các quy định, hướng dẫn về quản lý ô nhiễm đất, ngưỡng xử lý, cơ chế quản lý và báo cáo, trách nhiệm pháp lý...	<i>Đã hoàn thành 60%</i>
<i>Hoạt động 3.1.2.</i> Xây dựng các quy trình và tài liệu hướng dẫn kiểm soát phát thải hóa chất, quản lý rủi ro về sức khỏe và môi trường đối với các khu vực bị ô nhiễm hóa chất (tập trung cho quản lý trên diện rộng).	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 3.1.1</i>
<i>Hoạt động 3.1.3.</i> Xác định ưu tiên và kiểm kê bổ sung cấp quốc gia các khu vực bị ô nhiễm POP/hóa chất.	<i>Đã hoàn thành 70%</i>

<i>Kết quả 3.2: Hỗ trợ xây dựng nội dung quản lý an toàn về môi trường đối với POP, PTS trong quy hoạch quản lý môi trường cấp tỉnh.</i>	<i>Đã hoàn thành 40%</i>
<i>Hoạt động 3.2.1. Hỗ trợ xây dựng nội dung quản lý an toàn về môi trường đối với POP, PTS phát thải từ khu vực bị ô nhiễm tồn lưu ở quy mô lớn và khu vực tập trung hoạt động sản xuất công nghiệp trong quy hoạch quản lý môi trường cấp tỉnh chi tiết dựa trên cơ sở dữ liệu hiện có về các khu vực bị ô nhiễm các chất POP và phát thải hóa chất ở 2 tỉnh được lựa chọn (dự kiến là Nghệ An và Bình Dương).</i>	<i>Đã hoàn thành 60%</i>
<i>Hoạt động 3.2.2. 50 chuyên gia kỹ thuật và quản lý cấp quốc gia và 10 tỉnh được tập huấn về quản lý các khu vực ô nhiễm, đánh giá các khu vực bị ô nhiễm, giảm thiểu rủi ro và thực hiện khắc phục ô nhiễm, có áp dụng các bài học kinh nghiệm từ các dự án POP ở chu kỳ GEF4.</i>	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 3.1.1 và 3.1.2</i>
<i>Hoạt động 3.2.3. Thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và truyền thông về rủi ro, bao gồm cả công tác báo cáo về các khu vực bị ô nhiễm POP và các điểm tồn lưu POP, nhằm thực hiện tốt hơn các biện pháp quản lý và giảm thiểu rủi ro, ứng phó với các sự cố môi trường, bảo vệ an toàn và sức khỏe cộng đồng với sự tham gia tích cực của người dân.</i>	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 3.1.2</i>
<i>Hoạt động 3.2.4. Xử lý khu vực ô nhiễm POP tại Lâm Hóa, Quảng Bình</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
Hợp phần 4: Kiểm kê dữ liệu cơ sở quốc gia về thủy ngân và giảm phát thải thủy ngân	<i>Đã hoàn thành 50%</i>
<i>Kết quả 4.1: Kiểm kê dữ liệu cơ sở về thủy ngân và phát thải thủy ngân.</i>	<i>Đã hoàn thành 80%</i>
<i>Hoạt động 4.1.1. Xác định các nguồn có khả năng phát thải thủy ngân trong các quá trình công nghiệp chính</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 4.1.2. Xây dựng bảng hỏi điều tra, phân tích quá trình và khảo sát thực địa một số nguồn phát thải thủy ngân.</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 4.1.3. Xác định các sản phẩm chính có chứa thủy ngân</i>	<i>Đã hoàn thành 100%</i>
<i>Hoạt động 4.1.4. Xây dựng lộ trình quản lý an toàn về môi trường đối với thủy ngân và giảm phát thải thủy ngân.</i>	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động</i>

	4.1.1 và 4.1.3
<i>Kết quả 4.2: Tăng cường năng lực và nhận thức của cán bộ quản lý và cộng đồng về nguồn phát thải thủy ngân.</i>	<i>Đã hoàn thành 0%</i>
<i>Hoạt động 4.2.1. Tổ chức các hội thảo tăng cường nhận thức (2 hội thảo) để cung cấp các thông tin về nguồn phát thải thủy ngân trong hoạt động kiểm kê.</i>	<i>Mới bắt đầu triển khai do phải đợi kết quả của hoạt động 4.1.4</i>

VI. Tiến độ giải ngân của dự án

6.1 Tiến độ giải ngân vốn ODA theo từng năm

Năm	Nguồn vốn ODA				% giải ngân so với KH năm	Nguồn vốn Đối ứng		
	Kế hoạch năm		Tổng số vốn đã giải ngân			Kế hoạch Năm (Triệu VNĐ)	Tổng số vốn đã giải ngân (Triệu VNĐ)	% giải ngân so với KH năm
	USD	Triệu VNĐ	USD	Triệu VNĐ				
Năm 2016	46.525	1.057	45.838	1.012	315	315	100%	
Năm 2017	475.423	10.804	246.040	5.478	400	400	100%	
Năm 2018	1.200.433	27.255	900.931	20.541	300	168	56%	
Tổng			1.192.809	27.031	1.015	883		

Tỷ giá bình quân năm 2016 là 22.078 VNĐ/USD; năm 2017 là 22.264 VNĐ/USD và năm 2018 là 22.800 VNĐ/USD.

6.2 Tiến độ giải ngân vốn ODA theo từng hợp phần

Đơn vị tính: USD

STT	Tên hạng mục	Giải ngân năm 2016 + 2017	Năm 2018			Tổng số vốn giải ngân cả dự án		
			Kế hoạch năm 2018	Giải ngân năm 2018	Tỷ lệ giải ngân so với KH năm (%)	Tổng vốn ký kết	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 30/12/18	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	<i>Hợp phần 1: Xây dựng và thực thi khung chính sách quản lý an toàn về môi trường đối với hóa chất, bao gồm các chất POP và PTS</i>	62.745	358.023	322.986	90%	455.000	385.731	85%
2	<i>Hợp phần 2: Quan trắc và báo cáo các chất POP và PTS</i>	10.646	236.469	139.411	59%	600.000	150.058	25%
3	<i>Hợp phần 3: Quản lý các khu vực bị ô nhiễm các chất POP</i>	134.698	323.868	189.014	58%	1.000.000	323.711	32%
4	<i>Hợp phần 4: Kiểm kê dữ liệu cơ sở quốc gia về thủy ngân và giảm phát thải thủy ngân</i>	9.689	221.982	177.134	80%	300.000	186.824	62%
5	<i>Giám sát, bài học, phản hồi và đánh giá Dự án; Quản lý dự án</i>	74.099	60.090	72.386	120%	195.000	146.164	75%
Tổng		291.878	1.200.433	900.931	75%	2.550.000	1.192.809	47%

6.3 Tiến độ giải ngân vốn đối ứng và vốn đồng tài trợ

Nguồn vốn	Amount at Inception (USD)	Amount at the end 2018 (USD)	Percentage of total funds
Đóng góp từ Bộ TNMT bằng tiền mặt	200.000	52.983	26%
Đóng góp từ Bộ TNMT bằng hiện vật	5.700.000	3.809.863	67%
Đóng góp từ các Sở TNMT	2.000.000	898.209	45%
Đóng góp từ Bộ Công thương bằng hiện vật	150.000	-	0%
Vốn đồng tài trợ từ dự án JICA	3.000.000	-	0%
Tổng nguồn vốn đối ứng và đồng tài trợ	11.050.000	4.761.055	43%

VII. Kiến nghị

Hiện nay, các hoạt động chính, đóng vai trò quan trọng hướng tới mục tiêu phát triển của Dự án, đều đã và đang được Ban quản lý Dự án, Tổng cục Môi trường, Cục Hóa chất - Bộ Công thương gấp rút triển khai. Trong tổng số 25 gói thầu của Tổng cục môi trường, hiện chỉ còn 2 gói thầu đang thẩm định hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời quan tâm, 2 gói thầu đang trong giai đoạn đăng tuyển, 9 gói thầu đang triển khai, 12 gói thầu đã hoàn thành. Tuy nhiên, theo văn kiện đã được phê duyệt, dự án đã kết thúc vào tháng 12/2018, Nhà tài trợ đã có thư đồng ý cho dự án kéo dài thêm 1,5 năm (đến cuối tháng 7/2020), hiện dự án đang làm các thủ tục xin gia hạn dự án. Để các hoạt động được tiếp tục triển khai và không bị gián đoạn, kính đề nghị Giám đốc dự án phê duyệt kế hoạch năm 2019, tổ chức họp ban chỉ đạo trong tháng 1/2019 để thống nhất các hoạt động.

Trân trọng cảm ơn./.